TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **387**/2023/HS-PT
Ngày: 18/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 321/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Phan Khắc T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Phan Khắc T, Phạm Minh C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2023/HS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Phan Khắc T, sinh năm: 1984, tại Đồng Nai; Giới tính Nam; Căn cước công dân: 075084012863. Nơi cư trú: ấp Phúc N 2, xã Gia T 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ tên cha: Phan H, sinh năm 1958 (chết); Họ tên mẹ: Phạm Thị Ánh T2, sinh năm 1959; Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 04 anh em; chưa có vợ, con. Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2020/HS-ST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", bị cáo chấp hành hình phạt xong ngày 05/02/2021, đóng án phí HSST ngày 23/9/2022.

Năm 2003, 2007 bị cáo bị UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng theo Quyết định số 4384/QĐ ngày 24/11/2003 và Quyết định số 1277/QĐ ngày 17/5/2007.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 24/7/2022 đến nay - có mặt.

2. Phạm Minh C, sinh năm: 1973, tại Nghệ An; Giới tính: Nam; Căn cước công dân: 040073027002; Nơi cư trú: Tổ x, ấp x, xã Xuân B, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ tên cha: Phạm Minh C, sinh năm: 1939; Họ tên mẹ: Hoàng Thị L (đã chết); bị cáo là con thứ 03 trong gia đình có 06 anh chị em; Họ tên vợ: Kiều Thị H1, sinh năm: 1978, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2020/HSPT ngày 10/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 28/7/2022 đến ngày 21/12/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh - có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2017, Phan Khắc T là phụ sửa xe tại cửa hàng sửa xe H3 gần khu vực sân banh Phúc Nh (T bạn học nghề chung với H3). Trong quá trình làm việc tại đây, Phan Khắc T phát hiện thấy sân trại heo của ông Trần Quang T3, sinh năm 1962 (thường gọi là T3 C1, sân trại heo đối diện tiệm sửa xe của H3) thuộc ấp Phúc N 1, xã Gia T 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, không có cổng, thường đậu xe ôtô, loại xe Toyota Z, màu vàng, mang biển kiểm soát: 60L -xxxx. Ngày 28/9/2017, Phan Khắc T phát hiện xe ô tô đậu ở sân, gia đình ông T3 không có ai ở lại trại heo nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe ôtô Toyota Z. Khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, T đi bộ đến trại heo của ông T3, dùng 01 cây sắt loại phi 6 dài khoảng 40 cm cạy tấm kính chắn bên hông phải đuôi xe và chui vào trong mở cửa xe ôtô Toyota Z biển kiểm soát 60L -xxxx, khi T rút chốt khoá cửa bên tài xe thì còi báo động chống trộm hú, lo sợ bị phát hiện nên T ra ngoài trốn bên hông tường rào trại heo của ông T3 và quan sát xem có người phát hiện hay không, do không có ai nên T đến vị trí đầu xe Z tìm dây còi hú và giật đứt dây điện để còi không hú tiếp rồi T vào trong xe và lên ngồi ở ghế tài, bật khóa mở cửa xe, nhả phanh tay. Lo sợ nổ máy có thể làm người hàng xóm nghe và phát hiện nên T xuống đứng ở vị trí cửa ghế tài xế đẩy xe, khi ra đến cổng thì dùng tay quay vô-lăng xoay đuôi xe Z dừng trước đường. Sau khi

đẩy xe ra cổng, T nổ máy xe và lái xe chạy về Biên Hòa (hướng ra Quốc lộ 20, chạy lên đường Đức H – Thanh B; ra đường ngã 3 Cây G và đi đường Quốc lộ 1A).

Khi đi đến khu vực TP Biên Hòa, Phan Khắc T điện thoại cho Phạm Minh C (số điện thoại: 0933.63.64.68) nói với C "em lấy được chiếc xe ô tô TOYOTA 7 chỗ, anh có chỗ nào bán chỉ giùm em", Khi nghe T nói có xe ô tô 7 chỗ muốn bán, tuy T không nói rõ là xe do T trộm cắp có được nhưng C vẫn biết xe này là do T trộm cắp mà có được vì C biết xe không có giấy tờ và mối quan hệ giữa T và C nên Phạm Minh C cho số điện thoại của 01 người tên T4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh để T liên lạc bán chiếc xe ô tô Z mà T vừa lấy trộm được. Khi Phan Khắc T gọi điện thoại cho T4, T4 yêu cầu T chạy xe thẳng lên thành phố Hồ Chí Minh tại ngã 4 An Sương, đi về hướng Củ Chi và gọi cho T4. Khi gặp T4, T nói cho T4 biết xe trộm cắp của người khác nên T4 chỉ mua lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại Z màu vàng, biển kiểm soát 60L- xxxx với giá 10.000.000 đồng. T đồng ý bán chiếc xe ô tô, và nhận của T4 số tiền 4.000.000 đồng, số tiền 6.000.000 đồng còn lại, T4 nói T về gặp Phạm Minh C để lấy tiền. Khoảng một tuần sau, Phạm Minh C gọi điện thoại cho T gặp mặt tại xã Xuân B, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai để đưa số tiền 6.000.000 đồng tiền cho T. Ngày 24/7/2022, Phan Khắc T đến Công an huyện Thống Nhất đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra xác định được vào ngày 25/12/2020, Trần Thị Trúc L2 (Công chứng viên thuộc Văn phòng công chứng Trần Thị Trúc L2) tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng hợp đồng mua bán xe Toyota Z biển kiểm soát 60L-xxxx giữa người bán: bà Tống Thị Liên, sinh năm 1966, trú tại: Phúc N 1, xã Gia T 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, đứng tên giấy đăng ký đối với xe Toyota biển kiểm soát 60L-xxxx và người mua: ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1976, trú tại: xóm Khánh H, xã Thịnh Đ, TP. Thái N, tỉnh Thái Nguyên do đối tượng Lê Văn T5 cung cấp thông tin của người mua và người bán cho Trần Thị Trúc L2 để nhân viên Văn phòng Công chứng soạn thảo hợp đồng mua bán. Công chứng viên L2 đã tiến hành thực hiện thủ tục công chứng đối với hợp đồng mua bán này theo Hợp đồng mua bán xe số công chứng 42xx ngày 25/12/2020 không có mặt người mua, người bán tại Văn phòng công chứng. Sau đó, Lê Văn T5 đưa Hợp đồng mua bán đã được công chứng cho Dương Văn Tuân, dẫn đến hồ sơ đăng ký xe 60L-xxxx tại Phòng Cảnh sát giao thông - PC08 Công an tỉnh Đồng Nai đã được cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát giao thông - PC08 Công an tỉnh Đồng Nai làm thủ tục cung cấp hồ sơ đăng ký xe Toyota Z biển kiểm soát 60L-xxxx cho 01 đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch và hồ sơ đăng ký của xe 60L-xxxx chuyển đến Phòng Cảnh sát giao thông - PC08 Công an tỉnh Thái Nguyên và PC08 Công an tỉnh Thái Nguyên đã cấp giấy chứng nhận đăng ký cho anh Phan Văn H3 (sinh năm 1978, trú tại: Xóm Đồi C, xã Cổ L, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là người mua lại xe Toyota biển kiểm soát 60L-xxxx của Nguyễn Văn T4) mang biển kiểm soát 20A-453.38 dẫn đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Thống Nhất không thu hồi được xe Toyota biển kiểm soát 60L-xxxx (đã mang biển kiểm soát 20A-453.38)

Kết luận định giá tài sản số 440/KL-HĐ ĐGTS ngày 06/4/2023 của UBND huyện Thống Nhất xác định 01 xe ô tô con Toyota loại Z, sản xuất và đăng ký sử dụng năm 2005, thời điểm định giá 28/9/2019, có trị giá 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng) (thay thế kết luận định giá số 840/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2022).

Kết luận định giá tài sản số 1510/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá UBND huyện Thống Nhất xác định 01 xe ô tô con hiệu Toyota loại Z số khung KF36014499, số máy 7K0791748, sản xuất và đăng ký sử dụng lần đầu từ 02/8/2005, thời điểm định giá ngày 25/12/2020 có trị giá 154.670.000 đồng (một trăm năm mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kết luận định giá tài sản số 440/KLDĐGTS ngày 06/04/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Thống Nhất xác định trị giá xe ô tô 60L-xxxx ngày 28/09/2017 là 240.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 89/2023/HS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm c khoản 2 Điều 323; Điều 38; Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Khắc T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo Phạm Minh C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; Điều s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Phan Khắc T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2022.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Minh C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2022 đến ngày 21/12/2022.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 03/7/2023, bị cáo Phan Khắc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 06/7/2023, bị cáo Phạm Minh C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo T không nộp chứng cứ mới. Bị cáo C giao nộp chứng cứ về việc bị cáo hiện đang bị hở van tim, tăng huyết áp.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết. Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phan Khắc T phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Phạm Minh C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" đúng người, đúng tội, đúng quy định. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T và xử bị cáo mức án 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ mới để xem xét giảm nhẹ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức án của cấp sơ thẩm với bị cáo. Đối với bị cáo C xin được hưởng án treo, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, cha bị cáo là người có công với đất nước, được tặng Huân, huy chương, bị cáo có nhiều thành tích trong các hoạt động phong trào phòng chống dịch Covid, phong trào an sinh xã hội, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc…được nhận nhiều giấy khen của Công an tỉnh Đồng Nai, UBND huyện Xuân Lộc, UBND xã Xuân B; tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp tình tiết mới về việc bị cáo hiện nay đang bị bệnh hở van tim, tăng huyết áp (quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Xét thấy bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo C được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phan Khắc T và Phạm Minh C được làm trong thời hạn phù hợp quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự đúng thời hạn theo quy định tại Điều 336, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Khắc T và Phạm Minh C khai nhận hành vi phạm tội phù hợp như bản án sơ thẩm đã nêu. Hành vi của bị cáo T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo C đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét cho 02 bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại đã nhận hỗ trợ về phần trách nhiệm dân sự, người phạm tội đầu thú (quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Riêng bị cáo C có thêm tình tiết đã tự nguyện bồi thường tiền cho bị hại, cha bị cáo là người có công với đất nước, được tặng Huân, huy chương; riêng bị cáo có nhiều thành tích trong các hoạt động phong trào phòng chống dịch Covid, phong trào an sinh xã hội, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc… được nhận nhiều giấy khen của Công an tỉnh Đồng Nai, UBND huyện Xuân Lộc, UBND xã Xuân B (quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự).

[4] Xét kháng cáo của bị cáo T: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không giao nộp chứng cứ, tình tiết gì mới. Bên cạnh đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, mức án trên 03 năm nên thuộc trường hợp không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Khắc T.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo C: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo C nộp chứng cứ thể hiện bị cáo hiện đang mắc bệnh hở van tim, cao huyết áp, đau dạ dày, rối loạn tiền đình. Xét bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo còn có địa chỉ rõ ràng và các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hình phạt tù nhưng được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách buộc bị cáo chấp hành theo quy định là phù hợp.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

[7] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Khắc T phải chịu án phí là 200.000 đồng. Bị cáo Phạm Minh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Khắc T. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh C. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 89/2023/HS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Khắc T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2022.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Minh C cho xã Xuân B, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T phải chịu án phí 200.000 đồng. Bị cáo C không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm 89/2023/HS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai; VKS sơ thẩm;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV27-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Phượng